CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

SỐ CBSP: T35/NUTRICARE/2022

OSPO

Năm 2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: T35/NUTRICARE/2022

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE.**

Địa chỉ: Số 5, ngõ 9/76 phố Mai Dịch, phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Điện thoại: 02466833368

Mã số doanh nghiệp : 0104937284

Số giấy chứng nhận cấp cơ sở đủ điều kiện ATTP:

Ngày cấp/ Nơi cấp:

(Không thuộc đối tượng cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP)

II. Thông tin về sản phẩm:

1. **Tên sản phẩm: Ospo**
2. **Thành phần:** Bột gạo, Sucrose, Bột sữa gầy, Maltodextrin, Béo thực vật, Đạm đậu nành, Chất xơ hòa tan (Polydextrose), Tinh bột bắp biến tính, Hỗn hợp Vitamin và Khoáng chất (Retinyl acetat, Cholecalciferol, DL-alpha-tocopheryl acetat, Phylloquinon, Natri-L-ascorbat, Thiamin mononitrat, Riboflavin, Niacinamid, Canxi-D-pantothenat, Pyridoxin hydroclorid, Axit folic, Cyanocobalamin, D-Biotin, Natri clorid, Kali clorid, Canxi carbonat, Magiê oxit, Sắt pyrophosphat, Kẽm sulfat, Natri iodid, Mangan sulfat, Đồng sulfat, Natri selenit, Crôm clorid, Natri molybdat), Chiết xuất bột đậu đen, Bột yến mạch, Bột gạo lứt, Chiết xuất bột đậu đỏ, Chiết xuất bột óc chó, Glucosamin sulfat, Chondroitin sulfat, Hương vani và hương đậu đỏ tổng hợp dùng trong thực phẩm.

   Sản phẩm có chứa Sữa, Đạm đậu nành, Yến mạch.
3. **Hạn sử dụng:** 24 tháng kể từ ngày sản xuất.

   Ngày sản xuất, lô sản xuất và hạn sử dụng được in trên bao bì sản phẩm.
4. **Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:**
   - Quy cách bao gói: Hộp/Lon/Túi. KLT: 50 g, 100 g, 200 g, 400 g, 500 g, 800 g, 850 g, 900 g, 1 kg, 1.8 kg. (Đóng gói phù hợp quy định về đo lường đối với lượng của hàng hóa đóng gói sẵn).
   - Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng gói trong lon thiếc, túi tráng thiếc đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Nhà máy CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE
Địa chỉ: Lô VII.2, KCN Thuận Thành 3, Thanh Khương, Thuận Thành, Bắc Ninh
Điện thoại: 024.66.833.368

III. Mẫu nhãn sản phẩm *(Đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn phụ sản phẩm dự kiến)*

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.
- QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.
- QCVN 8-3:2012/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.
- Quyết định 38/2008/QĐ-BYT: Quy định mức giới hạn tối đa của melamine nhiễm chéo trong thực phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lí của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Hà Nội, ngày 05 tháng 10 năm 2022

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Kí tên, đóng dấu)

M.S.D.N: 0104937284 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE
Q. CẦU GIẤY - TP. HÀ NỘI

TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Đức Minh

THÔNG TIN DINH DƯỠNG/*NUTRITIONAL INFORMATION*

Thành phần *Components*	Đơn vị *Unit*	Trong 100 g *Per 100 g*	Trong 1 ly pha chuẩn (260 ml) *Per serving*
Năng lượng/*Energy*	kcal	393	197
Đạm/*Protein*	g	13.7	6.87
Chất béo/*Lipid*	g	7.63	3.81
Carbohydrate tổng/*Total carbohydrate*	g	70.0	35.0
Chất xơ hòa tan (Polydextrose) *Prebiotic (Polydextrose)*	g	4.10	2.05
Glucosamin sulfat/*Glucosamine sulfate*	mg	1206	603
Chondroitin sulfat/*Chondroitin sulfate*	mg	120	60.0
Vitamin/*Vitamins*			
Vitamin A	IU	1258	629
Vitamin D3	IU	366	183
Vitamin E	IU	13.6	6.79
Vitamin K1	µg	20.8	10.4
Vitamin C	mg	77.1	38.6
Vitamin B1	µg	824	412
Vitamin B2	µg	589	294
Niacin	µg	9862	4931
Axit pantothenic/*Pantothenic acid*	µg	3448	1724
Vitamin B6	µg	1226	613
Axit folic/*Folic acid*	µg	71.4	35.7
Vitamin B12	µg	4.80	2.40
Biotin	µg	18.6	9.29
Khoáng chất/*Minerals*			
Natri/*Sodium*	mg	353	177
Kali/*Potassium*	mg	354	177
Clo/*Chloride*	mg	676	338
Canxi/*Calcium*	mg	805	402
Phốt pho/*Phosphorus*	mg	272	136
Magiê/*Magnesium*	mg	109	54.5
Sắt/*Iron*	mg	5.80	2.88
Kẽm/*Zinc*	mg	17.2	8.58
Mangan/*Manganese*	µg	2067	1033
Đồng/*Copper*	µg	485	243
I-ốt/*Iodine*	µg	93.7	46.9
Selen/*Selenium*	µg	46.0	23.0
Crôm/*Chromium*	µg	41.8	20.9
Molypden/*Molybdenum*	µg	47.2	23.6

Hàm lượng các chất dinh dưỡng không thấp hơn 80% giá trị ghi trên nhãn.

1 THÀNH PHẦN/*INGREDIENTS*

Bột gạo, Sucrose, Bột sữa gầy, Maltodextrin, Béo thực vật, Đạm đậu nành, Chất xơ hòa tan (Polydextrose), Tinh bột bắp biến tính, Hỗn hợp Vitamin và Khoáng chất (Retinyl acetat, Cholecalciferol, DL-alpha-tocopheryl acetat, Phylloquinon, Natri-L-ascorbat, Thiamin mononitrat, Riboflavin, Niacinamid, Canxi-D-pantothenat, Pyridoxin hydroclorid, Axit folic, Cyanocobalamin, D-Biotin, Natri clorid, Kali clorid, Canxi carbonat, Magiê oxit, Sắt pyrophosphat, Kẽm sulfat, Natri iodid, Mangan sulfat, Đồng sulfat, Natri selenit, Crôm clorid, Natri molybdat), Chiết xuất bột đậu đen, Bột yến mạch, Bột gạo lứt, Chiết xuất bột đậu đỏ, Chiết xuất bột óc chó, Glucosamin sulfat, Chondroitin sulfat, Hương vani và hương đậu đỏ tổng hợp dùng trong thực phẩm.
Sản phẩm có chứa Sữa, Đạm đậu nành, Yến mạch.

Rice flour, Sucrose, Skim milk powder, Maltodextrin, Vegetable fat, Soy protein, Prebiotic (Polydextrose), Modified corn starch, Premix of Vitamins & Minerals (Retinyl acetate, Cholecalciferol, DL-alpha-tocopheryl acetate, Phylloquinone, Sodium-L-ascorbate, Thiamin mononitrate, Riboflavin, Niacinamide, Calcium-D-pantothenate, Pyridoxine hydrochloride, Folic acid, Cyanocobalamin, D-Biotin, Sodium chloride, Potassium chloride, Calcium carbonate, Magnesium oxide, Iron pyrophosphate, Zinc sulfate, Sodium iodide, Manganese sulfate, Copper sulfate, Sodium selenite, Chromium chloride, Sodium molybdate), Black bean powder extract, Oat flour, Brown rice flour, Red bean powder extract, Walnut powder extract, Glucosamine sulfate, Chondroitin sulfate, Synthetic vanilla and red bean flavor.
Product contains Milk, Soy protein, Oat.

2 ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG/*USED FOR*

Ospo thích hợp dùng cho:
- Người cần hỗ trợ chức năng xương khớp, viêm đau các khớp, người nguy cơ hoặc bị loãng xương, giảm mật độ xương, do thành phần có bổ sung Glucosamin, Chondroitin, Canxi và Vitamin D3, những dưỡng chất thiết yếu cho xương khớp.
- Người cần dùng **Ospo** để thay thế bữa ăn tiện lợi, cung cấp năng lượng, các chất dinh dưỡng, đạm, vitamin và khoáng chất thiết yếu với nhu cầu tương ứng.
- Không dùng cho trẻ dưới 6 tuổi.

***Ospo** is suitable for:*
- *People who need to support bone and joint function, people at risk or suffering from osteoporosis, arthritis pain and reduced bone density, by adding ingredients like Glucosamine, Chondroitin, Calcium & Vitamin D3, essential nutrients for bones and joint.*
- *People need to use **Ospo** for convenient meal replacement, providing energy, nutrients, protein, vitamins and essential minerals with corresponding needs.*
- *Not suitable for children under 6 years old.*

3 HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG/*INSTRUCTION FOR PREPARATION*

- Cho từ từ 5 muỗng gạt **Ospo** (tương đương 50 g) vào 220 ml nước đun sôi để nguội (45 - 50°C).
- Khuấy đều sẽ được khoảng 260 ml **Ospo** đầy đủ dưỡng chất.
- Uống 2 - 3 ly mỗi ngày hoặc theo hướng dẫn của bác sĩ/chuyên gia dinh dưỡng.
- Hỗn hợp sau khi pha sử dụng hết trong vòng 3 giờ.

- To prepare 260 ml serving: Pour 220 ml warm water (45 - 50°C) then add 5 scoops of Ospo (approximately 50 g). Stir well until the powder is completely dissolved.
- Use 2 – 3 servings per day or follow doctor/dietitian's instruction.
- Finish using Ospo about 3 hours after preparation.

M.S.D.N: 0104937284 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE
Q. CẦU GIẤY - TP. HÀ NỘI

NUTRICARE

Ospo

DƯỠNG KHỚP & THỰC DƯỠNG

GLUCOSAMINE & CHONDROITIN
DƯỠNG KHỚP KHỎE

GIÀU CHẤT XƠ
HỖ TRỢ KIỂM SOÁT CÂN NẶNG

ĐẠM CHẤT LƯỢNG CAO & 27 VI CHẤT
TĂNG CƯỜNG SỨC KHỎE

BQL các Dự án
HỘI GIÁO DỤC CHĂM SÓC SỨC KHOẺ CỘNG ĐỒNG VIỆT NAM

Mới!
THÊM GLUCOSAMINE & CHONDROITIN
HỖ TRỢ GIẢM ĐAU KHỚP

Thực phẩm bổ sung
Thay thế bữa ăn*

Net.wt
Khối lượng tịnh **400 g**

DƯỠNG KHỚP KHỎE
Chondroitin cùng **Glucosamine** giúp giảm đau khớp, tăng khả năng vận động, linh hoạt của sụn khớp.

GIÚP XƯƠNG CHẮC
Giàu **Canxi**, cùng **Vitamin D3** phòng & chống loãng xương.

GIÚP KIỂM SOÁT CÂN NẶNG
Bữa ăn giàu chất xơ tốt cho tiêu hóa đồng thời giúp duy trì cảm giác no, hỗ trợ kiểm soát cân nặng hiệu quả.

TĂNG CƯỜNG SỨC KHỎE
Cung cấp Năng lượng, Đạm chất lượng cao, các dưỡng chất cần thiết cùng 27 Vitamin và Khoáng chất quan trọng giúp cơ thể khỏe mạnh.

4 BẢO QUẢN/*STORAGE*

Đậy kín sau mỗi lần sử dụng. Bảo quản nơi khô ráo, sạch sẽ, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Lon khi đã mở phải được sử dụng hết trong vòng 3 tuần.
Close the tin tightly after each use. Store in a cool and dry place, and avoid direct sunlight. Use within 3 weeks after first opened.
**Thay thế bữa ăn có nhu cầu năng lượng tương ứng*

Sản xuất và chịu trách nhiệm sản phẩm bởi:
CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE
VPGD: Tòa nhà Nutricare, Số 1, LK2, KĐT Vạn Phúc, Hà Đông, Hà Nội.
Điện thoại: 024.66.833.368
Sản xuất tại: Nhà máy **CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE**
Địa chỉ: Lô VII.2, KCN Thuận Thành 3, Thanh Khương, Thuận Thành, Bắc Ninh, Việt Nam.
Xuất xứ: Việt Nam.
Tiếp thị và phân phối bởi: **CÔNG TY CỔ PHẦN HEALTH LIFE DR.CARE**
Địa chỉ: Số 87 ngõ 192 Lê Trọng Tấn, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam. Số điện thoại: 0903.048.926
Đạt chứng nhận Hệ thống quản lý An toàn thực phẩm **ISO 22000:2018,** Hệ thống Thực hành sản xuất tốt **(GMP), HACCP,** Hệ thống Quản lý môi trường **ISO 14001:2015.**
Số CBSP: T35/NUTRICARE/2022
NSX và HSD: Xem trên bao bì.

CHĂM SÓC KHÁCH HÀNG
1800.6011
(Miễn phí cước gọi đến)
www.nutricare.com.vn

8 936142 672732

CÔNG TY CP DINH DƯỠNG NUTRICARE

BẢN TIÊU CHUẨN SẢN PHẨM

Số: 35/2022/TCSP-NUTRI

Tên tổ chức chịu trách nhiệm về sản phẩm: Công ty CP Dinh dưỡng Nutricare.
Trụ sở: Số 5, ngõ 9/76, Phố Mai Dịch, Phường Mai Dịch, Q. Cầu Giấy, TP.Hà Nội.
VPGD: Tòa nhà Nutricare, Số 1, liền kề 2, KĐT Vạn Phúc, Quận Hà Đông, TP Hà Nội.
Điện thoại: 024 66833368 Fax: 0437858999
E-mail: nutricare82@gmail.com

1. **Tên sản phẩm: Ospo**
2. **Thành phần cấu tạo:**

   Bột gạo, Sucrose, Bột sữa gầy, Maltodextrin, Béo thực vật, Đạm đậu nành, Chất xơ hòa tan (Polydextrose), Tinh bột bắp biến tính, Hỗn hợp Vitamin và Khoáng chất (Retinyl acetat, Cholecalciferol, DL-alpha-tocopheryl acetat, Phylloquinon, Natri-L-ascorbat, Thiamin mononitrat, Riboflavin, Niacinamid, Canxi-D-pantothenat, Pyridoxin hydroclorid, Axit folic, Cyanocobalamin, D-Biotin, Natri clorid, Kali clorid, Canxi carbonat, Magiê oxit, Sắt pyrophosphat, Kẽm sulfat, Natri iodid, Mangan sulfat, Đồng sulfat, Natri selenit, Crôm clorid, Natri molybdat), Chiết xuất bột đậu đen, Bột yến mạch, Bột gạo lứt, Chiết xuất bột đậu đỏ, Chiết xuất bột óc chó, Glucosamin sulfat, Chondroitin sulfat, Hương vani và hương đậu đỏ tổng hợp dùng trong thực phẩm.

   Sản phẩm có chứa Sữa, Đạm đậu nành, Yến mạch.
3. **Chỉ tiêu cảm quan:**

STT	Chỉ tiêu	Yêu cầu
1	Trạng thái	Bột tơi, mịn, không vón cục
2	Màu sắc	Màu trắng đến ngà vàng
3	Mùi vị	Mùi đặc trưng của sản phẩm, không mùi cháy khét, mùi mốc hay mùi lạ. Vị ngọt dễ chịu, không có vị lạ (đắng khét).

4. **Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu:**

Thành phần *Components*	**Đơn vị** *Unit*	**Tối thiểu trong 100 g bột** *Minimum per 100 g*
Năng lượng/*Energy*	kcal	314
Đạm/*Protein*	g	11.0
Chất béo/*Lipid*	g	6.10

Carbohydrate tổng/*Total carbohydrate*	g	56.0
Chất xơ hòa tan (Polydextrose) *Prebiotic (Polydextrose)*	g	3.28
Glucosamin sulfat/*Glucosamine sulfate*	mg	965
Chondroitin sulfat/*Chondroitin sulfate*	mg	96.0
Vitamin/*Vitamins*		
Vitamin A	IU	1006
Vitamin D3	IU	293
Vitamin E	IU	10.9
Vitamin K1	µg	16.6
Vitamin C	mg	61.7
Vitamin B1	µg	659
Vitamin B2	µg	471
Niacin	µg	7890
Axit pantothenic/*Pantothenic acid*	µg	2758
Vitamin B6	µg	981
Axit folic/*Folic acid*	µg	57.1
Vitamin B12	µg	3.84
Biotin	µg	14.9
Khoáng chất/*Minerals*		
Natri/*Sodium*	mg	282
Kali/*Potassium*	mg	283
Clo/*Chloride*	mg	541
Canxi/*Calcium*	mg	644
Phốt pho/*Phosphorus*	mg	218
Magiê/*Magnesium*	mg	87.2
Sắt/*Iron*	mg	4.64
Kẽm/*Zinc*	mg	13.8
Mangan/*Manganese*	µg	1654
Đồng/*Copper*	µg	388
I-ốt/*Iodine*	µg	75.0
Selen/*Selenium*	µg	36.8
Crôm/*Chromium*	µg	33.4
Molypden/*Molybdenum*	µg	37.8

- Hàm lượng vitamin, khoáng chất không vượt quá mức cho phép của Phụ lục số 02 Ngưỡng dung nạp tối đa (Ban hành kèm theo Thông tư số 43/2014/TT-BYT ngày 24 tháng 11 năm 2014 của Bộ Y tế).

5. Chỉ tiêu an toàn:

5.1. Chỉ tiêu vi sinh vật: Phù hợp Quyết định 46/2007/QĐ-BYT về việc ban hành "Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm" (Áp dụng cho nhóm gạo – ngũ cốc)

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	10^4
2	*Coliforms*	CFU/g	10
3	*E.coli*	CFU/g	3
4	*S. aureus*	CFU/g	10
5	*Cl. perfringens*	CFU/g	10
6	*B. cereus*	CFU/g	10
7	Tổng số bào tử nấm men – nấm mốc	CFU/g	10^2

5.2. Hàm lượng kim loại nặng: Phù hợp QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm. (Áp dụng cho Nhóm Gạo – Ngũ cốc, Thực phẩm bổ sung).

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	Cadmi (Cd)	mg/kg	0.4
2	Chì (Pb)	mg/kg	0.2
3	Thủy ngân (Hg)	mg/kg	0.1
4	Thiếc (Sn) *(Sản phẩm đựng trong bao bì tráng thiếc)*	mg/kg	250

5.3. Hàm lượng độc tố vi nấm: Phù hợp QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm (Áp dụng Nhóm Gạo – Ngũ cốc).

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	Aflatoxin B1	µg/kg	2
2	Aflatoxin tổng số	µg/kg	4
3	Ochratoxin A	µg/kg	3

5.4. Hàm lượng Melamin: Tuân theo Quyết định số 38/2008/QĐ – BYT: Quy định mức giới hạn tối đa của Melamine nhiễm chéo trong thực phẩm (Áp dụng cho sản phẩm người lớn)

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	Hàm lượng Melamine	mg/kg	2.5

5.5. Các chỉ tiêu khác:

- Dư lượng thuốc thú y: Phù hợp với Quy định mức giới hạn tối đa dư lượng thuốc thú y trong thực phẩm theo Thông tư 24/2013/TT-BYT ngày 14/08/2013 của Bộ Y tế.

- Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật: Phù hợp với Quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm theo Thông tư 50/2016/TT-BYT ngày 30/12/2016 của Bộ Y tế.

6. Hướng dẫn sử dụng

Cho từ từ 50 g **Ospo** vào 220 ml nước đun sôi để nguội (45 - 50°C), khuấy đều sẽ được khoảng 260 ml **Ospo** đầy đủ dưỡng chất. Uống 2 - 3 ly mỗi ngày hoặc theo hướng dẫn của bác sĩ/chuyên gia dinh dưỡng. Hỗn hợp sau khi pha sử dụng hết trong vòng 3 giờ.

7. Đối tượng sử dụng

- Người cần hỗ trợ chức năng xương khớp, viêm đau các khớp, người nguy cơ hoặc bị loãng xương, giảm mật độ xương, do thành phần có bổ sung Glucosamin, Chondroitin, Canxi và Vitamin D3, những dưỡng chất thiết yếu cho xương khớp.
- Người cần dùng Ospo để thay thế bữa ăn tiện lợi, cung cấp năng lượng, các chất dinh dưỡng, đạm, vitamin và khoáng chất thiết yếu với nhu cầu tương ứng.
- Không dùng cho trẻ dưới 6 tuổi.

8. Hướng dẫn bảo quản

Đậy kín sau mỗi lần sử dụng. Bảo quản nơi khô ráo, sạch sẽ, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Lon khi đã mở phải được sử dụng hết trong vòng 3 tuần.

9. Hạn sử dụng: 24 tháng kể từ ngày sản xuất. NSX và HSD được in trên bao bì.

10. Chất liệu bao bì và quy cách đóng gói

- Quy cách bao gói: Hộp/Lon/Túi. KLT: 50 g, 100 g, 200 g, 400 g, 500 g, 800 g, 850 g, 900 g, 1 kg, 1.8 kg. (Đóng gói phù hợp quy định về đo lường đối với lượng của hàng hóa đóng gói sẵn).
- Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng gói trong lon thiếc, túi tráng thiếc đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

11. Các biện pháp phân biệt thật giả:

Nhãn in rõ nét, có đầy đủ tên sản phẩm, hình ảnh logo công ty và số công bố chất lượng.

12. Xuất xứ sản phẩm.

Sản xuất tại: Nhà máy Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare.
Địa chỉ: Lô VII.2, KCN Thuận Thành 3, Thanh Khương, Thuận Thành, Bắc Ninh, Việt Nam.
Điện thoại: 024.66.833.368
Đạt chứng nhận Hệ thống quản lý An toàn thực phẩm **ISO 22000:2018,**
Hệ thống thực hành sản xuất tốt **(GMP), HACCP**,
Hệ thống Quản lý môi trường **ISO 14001:2015**.

Hà Nội, ngày 05 tháng 10 năm 2022
ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Kí tên, đóng dấu)

M.S.D.N: 0104937284 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE
Q. CẦU GIẤY - TP. HÀ NỘI

TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Đức Minh